

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA SÚP  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST  
Ngày 06 tháng 5 năm 2024  
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hoài

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bành Trọng Bình và bà Nguyễn Thị Hồng

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quý Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023. Về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Lang Hồng C**, sinh năm 1960, có mặt

**Bà Ngân Thị M**, sinh năm 1960, có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lang Hồng C:*  
**Bà Lưu Thị Thu H** – Luật sư thuộc Công ty L; Địa chỉ: F N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

- *Bị đơn:* **Anh Lang Duy V**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Chị Hà Thị T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người làm chứng:*

**1. Bà Cẩm Thị M1**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

**2. Ông Vi Minh K**, sinh năm 1954, vắng mặt;

3. Ông Vi Viết H1, sinh năm 1955, vắng mặt;
  4. Anh Lang Thanh Y, sinh năm 1983, có mặt
- Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 13/10/2023; Đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/01/2024; Bản tự khai; Biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lang Hồng C và bà Ngân Thị M trình bày:**

Năm 2005, vợ chồng ông C và bà M có nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Vi Kim T1 và bà Cẩm Thị M1, hai bên chuyển nhượng bằng giấy viết tay, thửa đất có diện tích khoảng 941m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn I, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Năm 2011, hộ ông Vi Kim T1 và bà Cẩm Thị M1 được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH - 060057 ngày 13/12/2011, với diện tích 941m<sup>2</sup> thửa đất số 356 tờ bản đồ số 22, đây là phần diện tích mà vợ chồng ông bà đã nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay với hộ ông Vi Kim T1 vào năm 2005. Năm 2016, ông Vi Kim T1 chết, bà Cẩm Thị M1 thừa kế diện tích đất nói trên. Đến ngày 03/3/2017, gia đình ông bà và bà Cẩm Thị M1 thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Năm 2022, do có nhu cầu cá nhân nên vợ chồng ông bà xin được tách diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ bà Cẩm Thị Minh t hai thửa đất gồm: Thửa đất số 391, tờ bản đồ số 22 với diện tích 626,5m<sup>2</sup> và thửa đất số 392, tờ bản đồ số 22 với diện tích 314,5 m<sup>2</sup>. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông T1 và bà M1 từ năm 2005 thì ông bà nhận đất và sử dụng đất từ năm 2005. Đến năm 2014, gia đình ông bà có con bị bệnh phải đi điều trị bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau 02 tháng đưa con đi điều trị bệnh về thì thấy một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 391 tờ bản đồ số 22 của gia đình ông bà bị anh Lang Duy V lấn chiếm sử dụng. Thửa đất bị anh V lấn chiếm có tứ cận như sau: Phía Đông: Giáp đất ông V, cạnh dài 2,2m; Phía Tây: Giáp đường liên thôn, cạnh dài 2,3m; Phía Bắc: Giáp đất ông V, cạnh dài 39,81m; Phía Nam: Giáp đất ông C, cạnh dài 39,26m. Tổng diện tích: 86,7 m<sup>2</sup>. Đã nhiều lần ông bà liên hệ để yêu gia đình Anh V1 và chị T trả lại diện tích đã tranh chấp, nhưng anh V1 và chị T không trả.

Vì vậy, ông bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp buộc anh Lang Duy V và vợ là chị Hà Thị T phải trả lại cho ông bà phần diện tích đất đang lấn chiếm có tứ cận như sau: Phía Đông: Giáp đất ông V, cạnh dài 2,2m; Phía Tây: Giáp đường liên thôn, cạnh dài 2,3m; Phía Bắc: Giáp đất ông V, cạnh dài 39,81m; Phía Nam: Giáp đất ông C, cạnh dài 39,26m. Tổng diện tích: 86,7 m<sup>2</sup>. Theo ông bà thì phần đất bị lấn chiếm thuộc một phần thửa đất số 391, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**Theo biên bản lấy lời khai; Biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lang Duy V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T trình bày:**

Gia đình anh chị được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp đất từ năm 2003 và giao cho gia đình anh chị sử dụng đất từ năm 2003, nhưng chưa có giấy tờ bàn giao đất, đến năm 2004 gia đình anh chị tiến hành làm nhà ở trên đất và sử dụng ổn định. Đến ngày 09/6/2006 gia đình anh chị đã được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình anh chị sử dụng đất ổn định từ đó đến nay, không có ai tranh chấp, đến năm 2023 vợ chồng ông Lang Hồng C và bà Ngân Thi M2 nói anh chị lấn chiếm đất và hai bên xảy ra tranh chấp.

Thửa đất ông C và bà M2 đang tranh chấp với anh chị có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Vi Kim T1 và bà Cẩm Thị M1 vào năm 2005. Thời điểm gia đình ông Vi Kim T1 và gia đình anh chị ở trên đất thì giữa hai bên có mốc ranh giới phân chia đất là có hàng cây và một số cọc rào do gia đình ông T1 trồng từ trước khi gia đình anh chị đến ở. Năm 2005, vợ chồng ông C và bà M2 lên ở trên thửa đất này thì gia đình ông C chặt hàng cây này và tự trồng thêm các cột rào để làm ranh giới phân chia đất giữa 02 gia đình, và hiện tại hàng cọc đó vẫn còn nguyên, sau này ông C và con của ông C là anh Lang Thanh Y tự lấy lưới B40 đóng thêm vào hàng rào, chứ anh chị không làm hàng rào. Từ thời điểm ông C và bà M2 đến ở trên đất thì giữa gia đình anh chị và gia đình ông C và bà M2 không xảy ra tranh chấp gì, đến năm 2023 khi ông C đo lại diện tích đất của ông và thấy thiếu diện tích đất so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà nên ông bà đã nói vợ chồng anh chị lấn chiếm đất của ông bà và khởi kiện anh chị tại Tòa án.

Hiện nay, ông C và bà M2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh chị phải trả lại cho ông bà phần diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Đông: Giáp đất ông V, cạnh dài 2,2m; Phía Tây: Giáp đường liên thôn, cạnh dài 2,3m; Phía Bắc: Giáp đất ông V, cạnh dài 39,81m; Phía Nam: Giáp đất ông C, cạnh dài 39,26m. Tổng diện tích: 86,7 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì anh chị không đồng ý vì anh chị không lấn chiếm đất nên anh chị không đồng ý trả lại đất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền; Xác định đúng tư cách đương sự; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ và cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định. Giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Vợ chồng ông Lang Hồng C và bà Ngân Thị M nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Vi Kim T1 và bà Cẩm Thị M1 vào năm 2005, khi nhận chuyển nhượng thì thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011 thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Vi Kim T1 và bà Cẩm Thị M1. Năm 2017, bà M1 làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 356, tờ bản đồ số 22 theo quy định của pháp luật cho vợ chồng ông C và bà M với diện tích 941 m<sup>2</sup>. Gia đình anh Lang Duy V và chị Hà Thị T được cấp thửa đất số 351, tờ bản đồ số 22 với diện tích 931 m<sup>2</sup>. Như vậy, hiện nay diện tích đất ông C và bà M đang sử dụng thực tế là 860,6 m<sup>2</sup>, còn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Diện tích đất anh V và chị T thực tế đang sử dụng là 1061,1 m<sup>2</sup>, sử dụng dư so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với kết quả đo đạc không khớp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản lờng ghép là không có cơ sở. Lời khai của người làm chứng mâu thuẫn với lời khai của các bên đương sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông C và bà M là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh V và chị T phải trả lại cho ông C và bà M diện tích đất hiện đang lấn chiếm là 86,7 m<sup>2</sup>.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn và bất động sản đều có địa chỉ tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Ông Lang Hồng C và bà Ngân Thị M khởi kiện yêu cầu anh Lang Duy V và vợ là chị Hà Thị T trả lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc thửa đất của nguyên đơn gia đình ông C, bà M: Do nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Vi Kim T1 và bà Cẩm Thị M1 là thửa đất số 356, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó ông bà tách thành 02 thửa là thửa 391 và 392.

Về nguồn gốc thửa đất của bị đơn anh V, chị T: Do Nhà nước cấp. Ngày 09/6/2006 được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 680208 thửa đất số 351, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, cho hộ anh Lang Duy V và vợ là chị Hà Thị T.

Ông Lang Hồng C và bà Ngân Thị M yêu cầu anh Lang Duy V và vợ là chị Hà Thị T phải trả lại cho ông bà phần diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Đông: Giáp đất ông V, cạnh dài 2,2m; Phía Tây: Giáp đường liên thôn, cạnh dài 2,3m; Phía Bắc: Giáp đất ông V, cạnh dài 39,81m; Phía Nam: Giáp đất ông C, cạnh dài 39,26m. Tổng diện tích: 86,7 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông C và bà M thì anh V và chị T không đồng ý vì anh chị cho rằng anh chị không lấn chiếm đất của ông C và bà M nên anh chị không đồng ý trả lại đất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo kết quả thẩm định ngày 15/11/2023 xác định vị trí ranh giới đất thực địa (là hàng rào) giữa hộ gia đình ông Lang Hồng C, bà Ngân Thị M với gia đình anh Lang Duy V, chị Hà Thị T đang sử dụng trùng với ranh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai bên gia đình. Như vậy, mặc dù diện tích đất thực tế anh V và chị T sử dụng nhiều hơn diện tích đất được theo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không lấn chiếm thửa đất số 391, tờ bản đồ số 22 của ông C và bà M mà lấn sang thửa đất số 338 với diện tích 76,9 m<sup>2</sup> và lấn sang thửa đất số 357 với diện tích 53,2 m<sup>2</sup>.

Đồng thời, xác định phần diện tích đất hiện nay ông C, bà M đang tranh chấp với anh Lang Duy V và chị Hà Thị T có tứ cận: Phía Đông: Giáp đất ông V, cạnh dài 2,2m; Phía Tây: Giáp đường liên thôn, cạnh dài 2,3m; Phía Bắc: Giáp đất ông V, cạnh dài 39,81m; Phía Nam: Giáp đất ông C, cạnh dài 39,26m. Tổng diện tích: 86,7 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 351, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk của gia đình anh V và chị T.

Phần đất tranh chấp có tài sản gắn liền trên đất là một số cây chuối nhưng các đương sự thống nhất không yêu cầu xem xét.

[3.2] Theo lời khai của bà Cẩm Thị M1, người đã chuyển nhượng đất cho ông C, bà M cho rằng ranh giới đất giữa hộ ông C, bà M với hộ anh V, chị T hiện nay đang sử dụng vẫn đúng như ranh giới đất khi bà chuyển nhượng đất cho gia đình ông C, bà M; Gia đình anh V, chị T không lấn chiếm đất của gia đình ông C, bà M mà vẫn sử dụng đúng ranh giới như từ trước đến nay vẫn sử dụng.

[3.3] Theo lời khai của một số người làm chứng là hàng xóm sống gần hai gia đình gồm ông Vi Minh K, ông Vi Viết H1, xác định từ thời điểm ông C, bà M với gia đình anh V, chị T sử dụng đất đến nay thì ranh giới đất giữa hai hộ gia đình đã được sử dụng ổn định, không có sự thay đổi ranh giới giữa hai bên gia đình.

[3.4] Theo lời khai của anh Lang Thanh Y (con ruột ông C, bà M) xác định: Hàng rào phân chia ranh giới đất giữa gia đình anh với gia đình anh V, chị T là do anh Y tự rào.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và bà M về việc yêu cầu anh Lang Duy V và chị Hà Thị T trả lại cho ông C, bà M phần đất lấn chiếm có tứ cận: Phía Đông: Giáp đất ông V, cạnh dài 2,2m; Phía Tây: Giáp đường liên thôn, cạnh dài 2,3m; Phía Bắc: Giáp đất ông V, cạnh dài 39,81m; Phía Nam: Giáp đất ông C, cạnh dài 39,26m. Tổng diện tích: 86,7 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc nguyên đơn ông C và bà M phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[4.2] Về chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ: Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc nguyên đơn ông C và bà M phải chịu toàn bộ chi phí thu thập, tài liệu chứng cứ.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc nguyên đơn ông C và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông C và bà M thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 229; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 160; 161 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 100; 166; 203 Luật Đất đai năm 2013;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lang Hồng C và bà Ngân Thị M, về việc: buộc anh Lang Duy V và chị Hà Thị T trả lại cho ông C và bà M phần đất có tứ cận: Phía Đông: Giáp đất ông V, cạnh dài 2,2m; Phía Tây: Giáp

đường liên thôn, cạnh dài 2,3m; Phía Bắc: Giáp đất ông V, cạnh dài 39,81m; Phía Nam: Giáp đất ông C, cạnh dài 39,26m. Tổng diện tích: 86,7 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Lang Hồng C và bà Ngân Thị M phải chịu số tiền 8.000.000<sup>d</sup> (Tám triệu đồng) chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ trong số tiền 8.000.000<sup>d</sup> (Tám triệu đồng) ông C và bà M đã nộp.

Về chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ: Buộc ông C và bà M phải chịu 1.600.000<sup>d</sup> (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền thu thập, tài liệu chứng cứ, được khấu trừ trong số tiền 1.600.000<sup>d</sup> (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) ông C và bà M đã nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lang Hồng C và bà Ngân Thị M.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp;
- Thi hành án dân sự huyện Ea Súp;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Thị Hoài**